| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 101/2023/DS-PT
Ngày: 16-5-2023
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Trần Bá Kha**

*Các Thẩm phán:* Bà **Nguyễn Thị Nhiên.**

Bà **Ngô Thị Minh Trang**.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Đào Thị Ngọc Trâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 và ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023, về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 11/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần K;**

Địa chỉ: Số 40-42-44 Phạm Hồng Th, phường Vĩnh Thanh V, thành phố Rạch Gi, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Trần Ngọc M** - Chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Trang Văn T** - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ: Số 38-40, Đại lộ Hòa B, phường An C, quận Ninh K, thành phố Cần thơ

**** Bị đơn:***

1. Ông **Trần Văn H**, sinh năm: 1948

2. Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1952

Cùng địa chỉ: ấp Thạnh Đ, xã Thạnh Ph, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Anh **Lê Vũ L,** sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp Thạnh Đ, xã Thạnh Ph, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang

(*Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà L, anh L*: Anh **Trần Văn T**, sinh năm: 1986 (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/9/2019, ngày 02/7/2020)

Địa chỉ: ấp Thạnh Đ, xã Thạnh Ph, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông **Trần Văn H.**

(ông Trang Văn T có mặt tại phiên toà; ông Trần Văn H, bà Trần Thị L vắng mặt tại phiên toà, ông Lê Vũ L vắng mặt tại phiên toà ngày 18/4/2023 và có mặt tại phiên toà ngày 16/5/2023, anh Trần Văn T có mặt tại phiên toà).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2019, quá trình giải quyết vụ kiện người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trang Văn T trình bày:*

Vào ngày 25/4/2015 Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) K đã ký một hợp đồng tín dụng (hợp đồng vay) số 164/15/HĐTD/0404-3039 với vợ chồng ông Trần Văn H, bà Trần Thị L. Hợp đồng thỏa thuận như sau:

Số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), lãi suất là 11,43%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, ngày giải ngân là ngày 07/5/2015, ngày đến hạn là 07/5/2016. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của loại tiền đang vay, loại lãnh lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm thay đổi lãi suất vay cộng biên độ 3,96%/năm, lãi suất sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại Ngân hàng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức thanh toán: Lãi vay trả 06 tháng/lần, vốn vay được trả vào ngày đến hạn.

Để bảo đảm nợ vay ông H, bà L có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đối với diện tích đất 12.158m$^2$, thuộc các thửa đất số 232, 426, 424, tờ bản đồ số 09 và số 10, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Đ, xã Thạnh Ph, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0620338 ngày 30/4/1996 do ông H đứng tên.

Trong quá trình vay vốn ông H, bà L không thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Khi đến hạn thanh toán nợ, Ngân hàng đã thông báo và nhắc nhở ông H, bà L nhiều lần nhưng ông, bà chỉ cam kết trả nợ nhưng không thực hiện. Tính đến ngày 04/11/2022 ông H, bà L còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể là:

- Gốc: 400.000.000 đồng
- Lãi trong hạn: 46.154.000 đồng.
- Tiền lãi quá hạn: 433.893.000 đồng.
- Tiền phạt chậm trả lãi: 56,842.055 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là: 936.889.055 đồng

Tại phiên Tòa sơ thẩm đại diện phía nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền phạt chậm trả lãi là 56,842.055 đồng.

Ngân hàng TMCP K yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông H, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi đến ngày 04/11/2022 là 880.047.000 đồng (Tám trăm tám mươi triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Ngoài ra ông H, bà L phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký từ sau ngày 04/11/2022 đến khi thanh toán hết số nợ.

*Tại bản tự khai ngày 11/9/2019, quá trình giải quyết vụ kiện, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T trình bày:*

Vào khoảng năm 2012 con của ông H, bà L là Lê Vũ L, ngụ tại ấp Thạnh Đ, xã Thạnh Ph, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang có xin vào làm việc tại Ngân

hàng TMCP K với hình thức là cộng tác viên, phụ trách việc làm hồ sơ cho vay thế chấp tài sản là xe gắn máy và thu tiền góp hàng ngày sau đó nộp về cho Ngân hàng để hưởng huê hồng. Hợp đồng cho vay là do Ngân hàng trực tiếp ký với những người vay, anh L phụ trách việc thu tiền hàng ngày và nộp lại cho Ngân hàng, hợp đồng vay có ghi rõ nếu trường hợp anh L không thu được tiền thì bộ phận Pháp chế của Ngân hàng sẽ trực tiếp thu đối với những người vay. Việc thỏa thuận làm cộng tác viên giữa anh L và Ngân hàng có làm hợp đồng hiện nay do anh L cất giữ.

Anh L làm hợp đồng cho rất nhiều người vay (Không nhớ rõ họ tên, địa chỉ), tuy nhiên do những người vay không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo như hợp đồng. Khoảng năm 2015 thì Ngân hàng tiến hành thu hồi toàn bộ các hồ sơ mà anh L phụ trách để Ngân hàng tiến hành thu nợ của những người vay. Nhưng phía Ngân hàng không thu được nợ mà lại chuyển số nợ là 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) của những người vay cho anh L chịu trách nhiệm và buộc anh L phải trả cho Ngân hàng.

Từ sự việc trên phía Ngân hàng mới yêu cầu ông H, bà L ký kết hợp đồng vay với số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) nhằm mục đích để cấn trừ vào số nợ gốc và nợ lãi của số tiền 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) mà Ngân hàng cho rằng anh L phải có trách nhiệm trả. Thực tế anh L không có nợ số tiền 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) của Ngân hàng, số tiền này là của những người vay khác nợ Ngân hàng (Những người vay mà anh L phụ trách thu nợ để hưởng huê hồng). Ông H, bà L nghĩ rằng việc ký hồ sơ vay trên là để bảo lãnh cho việc anh L làm cộng tác viên với Ngân hàng, nếu trong quá trình thu nợ mà anh L có chiếm dụng tài sản của Ngân hàng thì ông, bà sẽ đứng ra chịu trách nhiệm chi trả.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà L phải trả số tiền gốc và lãi đến ngày 04/11/2022 là 880.047.000 đồng thì ông, bà không đồng ý.

Nếu Ngân hàng cho rằng anh L có chiếm dụng tài sản của Ngân hàng thì anh yêu cầu phía Ngân hàng chứng minh, nếu anh L có chiếm dụng tài sản của Ngân hàng bao nhiêu thì anh đồng ý trả cho Ngân hàng bấy nhiêu.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 11/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 269; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 342, Điều 343, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 721 Bộ luật dân sự 2005;

Khoản 1 Điều 299, Điều 323 Bộ luật dân sự 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với ông Trần Văn H, bà Trần Thị L.

Buộc ông Trần Văn H, bà Trần Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền gốc và lãi tính đến ngày 04/11/2022 là

880.047.000 đồng (Tám trăm tám mươi triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Ngoài ra ông H, bà L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã thỏa thuận của hợp đồng tín dụng nêu trên từ sau ngày 04/11/2022 cho đến khi thi hành án xong.

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H, bà L không trả đủ số tiền nêu trên thì ông, bà còn phải trả cho Ngân hàng khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành mà ông H, bà L không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì phía Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án huyện Giồng Riềng kê biên phát mãi tài sản thế chấp theo quy định Điều 323 Bộ luật dân sự để bảo đảm nợ vay theo hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất số D0620338 được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng cấp ngày 30/4/1996 đối với diện tích đất 12.158m$^2$, thuộc các thửa đất số 232, 426, 424, tờ bản đồ số 09 và số 10, tọa lạc tại ấp Thạnh Đ, xã Thạnh Ph, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang do ông H đứng tên.

Ngân hàng thương mại cổ phần K có trách nhiệm trả cho ông H, bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên sau khi đã nhận đủ tiền.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Kđối với tiền phạt chậm trả lãi là 56,842.055 đồng (Năm mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

*Sau khi xét xử sơ thẩm:*

Ngày 25/11/2022, bị đơn ông Trần Văn H có đơn kháng cáo: Yêu cầu xem xét toàn diện vụ án, đề nghị cấp phúc thẩm tiến hành giám định chữ ký và chữ viết có trong hồ sơ vay. Mọi chi phí tố tụng giám định ông chịu nộp theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Gồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Trần Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ngày 18/4/2023 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H là ông T đã rút yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết có trong hồ sơ vay, không yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông H, bà L. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/5/2023 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H là ông T tiếp tục có yêu cầu giám định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Văn H sửa Bản án sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 11/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Theo hướng xác định lại quan hệ tranh chấp; không buộc bị đơn ông H bà L thanh toán trả cho Ngân hàng tiền lãi và sửa lại án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trần Văn H và bà Trần Thị L vắng mặt nhưng có người đại diện theo uỷ quyền là anh Trần Văn T có mặt tại phiên toà; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Vũ L vắng mặt tại phiên toà ngày 18/4/2023 có mặt tại phiên toà ngày 16/5/2023. Nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về quan quan hệ pháp luật tranh chấp; cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng là chưa phù hợp mà ở đây phải xác định là: Tranh chấp đòi lại tài sản; mới phù hợp vì hợp đồng tín dụng đã hết thời hiệu khởi kiện. Bởi lẽ, ngày giải ngân là ngày 07/5/2015, ngày đến hạn trả là ngày 07/5/2016. Đến ngày 08/5/2019 là hết thời hạn 03 năm. Quá trình cho vay khi hết hạn theo hợp đồng tín dụng thì phía Ngân hàng với ông H bà L không lập biên bản làm việc với nhau về khoản nợ gốc và lãi, chỉ có biên bản làm việc ngày 30/5/2019 không xác định rõ nội dung thỏa thuận về việc có cam kết thanh toán gốc và lãi suất của ông H bà L. Sau đó, đến ngày 07/6/2019 Ngân hàng làm đơn khởi kiện ông H bà L là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 BLDS. Như vậy, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" trong vụ án này là chưa phù hợp. Bởi lẽ theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: "Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu toà án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm". Theo hướng dẫn tại Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Toà án nhân dân Tối Cao thì căn cứ quy định này thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đã hết. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật dân sự 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp "Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trừ trường hợp bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác. Do đó Ngân hàng có thể khởi kiện yêu cầu đòi lại tài sản (nợ gốc) và Toà án thụ lý giải quyết mà không phụ thuộc vào các bên có yêu cầu

áp dụng thời hiệu trước khi Toà án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án hay không. Do đó hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản; cho phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H yêu cầu xem xét lại toàn diện vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 25/4/2015 Ngân hàng TMCP Kcó ký một hợp đồng tín dụng (Hợp đồng vay) số 164/15/HĐTD/0404-3039 với ông H, bà L số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Trong quá trình vay vốn ông H, bà L không thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Khi đến hạn thanh toán nợ, ông H, bà L không thực hiện việc trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông H, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi đến ngày 04/11/2022 là 880.047.000 đồng. Ngoài ra ông H, bà L phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký từ sau ngày 04/11/2022 đến khi thanh toán hết số nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh T không thừa nhận số nợ trên là của ông H, bà L và cho rằng do anh Lê Vũ L là nhân viên hợp tác với Ngân hàng phụ trách làm hồ sơ vay và thu nợ góp cho Ngân hàng. Nhưng khi khách hàng vay không thanh toán nợ và Ngân hàng không thu hồi được nợ nên đã chuyển toàn bộ nợ của những khách hàng mà anh L đã làm hồ sơ cho vay sang cho anh L chịu trách nhiệm trả và từ đó Ngân hàng mới yêu cầu ông H, bà L ký hợp đồng vay để cấn trừ nợ của anh L. Anh T cho rằng việc ông H, bà L đồng ý ký hồ sơ vay là để bảo lãnh cho việc anh L làm cộng tác viên với Ngân hàng, nếu trong quá trình thu nợ mà anh L có chiếm dụng tài sản của Ngân hàng thì ông, bà sẽ đứng ra chịu trách nhiệm chi trả.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông H, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi đến ngày 04/11/2022 là 880.047.000 đồng. Ngoài ra ông H, bà L phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký từ sau ngày 04/11/2022 đến khi thanh toán hết số nợ là có căn cứ chấp nhận một phần; Bởi lẽ, như đã phân tích ở trên, hợp đồng tín dụng số 164/15/HĐTD/0404-3039 ngày 25/4/2015 và khế ước nhận nợ ngày 07/5/2015: Thời hạn vay theo thỏa thuận là 12 tháng kể từ ngày 07/5/2015 đến ngày 07/5/2016, tính đến nay đã hết thời hạn thực hiện hợp đồng. nhưng ông H, bà L không thanh toán nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đã cam kết. Do đó, Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông H, bà L thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 04/11/2022. Khi đã hết thời hiệu khởi kiện thì ngân hàng chỉ được yêu cầu đòi lại tài sản là nợ gốc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông H bà L trả lại 400.000.000đ tiền gốc cho Ngân hàng TMCP K mà không buộc trả lãi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 164/15/HĐTC-BĐS/0404-3039 ngày 25/4/2015 đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Giồng Riềng vào ngày 06/5/2015 đảm bảo về hình thức theo quy định tại Điều 343 của Bộ luật Dân sự 2005. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với các diện tích đất đã thế chấp thuộc quyền sử dụng của ông H, bà L nên việc ông H, bà L sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để thế chấp vay vốn của Ngân hàng TMCP K là phù hợp với quy định tại Điều 342, Điều 715 Bộ luật dân sự 2005. Do đó, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng TMCP K và ông H, bà L là hợp pháp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của

các bên thế chấp. Xét thấy vào ngày 25/4/2015 giữa Ngân hàng TMCP K và ông H, bà L đã ký một hợp đồng tín dụng ngắn hạn kèm theo một khế ước nhận nợ ngày 07/5/2015. Để bảo đảm nợ vay ông H, bà L đã ký kết với Ngân hàng TMCP K một hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có chứng thực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Từ những vấn đề nêu trên cho thấy hợp đồng vay tín dụng mà các đương sự đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Do đó, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết.

Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp khi ông H, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 721 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 1 Điều 299 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Về yêu cầu giám định chữ ký. Tại toà án cấp sơ thẩm theo biên bản làm việc ngày 12/11/2019 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng không xác định được chữ ký và chữ viết ghi họ tên của ông Trần Văn H, bà Trần Thị L tại hợp đồng tín dụng (Hợp đồng vay) số 164/15/HĐTD/0404-3039 vào ngày 25/4/2015 có phải là của ông H, bà L hay không và đồng thời xác định không yêu cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết ghi họ tên của ông Trần Văn H, bà Trần Thị L. Sau khi sét xử sơ thẩm bà Lệ không có kháng cáo, ông H có kháng cáo yêu cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết ghi họ tên của ông Trần Văn H, bà Trần Thị L. Vì tại biên bản làm việc ngày 12/11/2019 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng không xác định được chữ ký và chữ viết ghi họ tên của ông Trần Văn H, bà Trần Thị L tại hợp đồng tín dụng (hợp đồng vay) số 164/15/HĐTD/0404-3039 vào ngày 25/4/2015 có phải là của ông H, bà L hay không. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 18/4/2023 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H là ông T đã rút yêu cầu giám định, không yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông H, bà L. Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/5/2023 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H là ông T tiếp tục có yêu cầu giám định, như vậy lời khai của ông T về vấn đề này là không thống nhất, không có cơ sở để xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án sơ thẩm đã ra Thông báo tham gia tố tụng cho anh L và ra Quyết định yêu cầu anh L cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc anh tham gia làm cộng tác viên với Ngân hàng TMCP K, phụ trách việc làm hồ sơ cho vay thế chấp tài sản là xe gắn máy và thu tiền góp hàng ngày sau đó nộp về cho Ngân hàng để hưởng huê hồng và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan đến việc thu tiền cũng như nộp tiền lại cho Ngân hàng nhưng hết thời gian quy định anh L vẫn không có văn bản trả lời và không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là ông H, bà L cùng với người đại diện là anh T không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, xét thấy lời khai nại của phía bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là anh T thì hoàn toàn không có căn cứ chấp nhận.

[6] Việc anh L cho rằng tham gia làm cộng tác viên với Ngân hàng TMCP K, phụ trách việc làm hồ sơ cho vay thế chấp tài sản là xe gắn máy và thu tiền góp hàng ngày sau đó nộp về cho Ngân hàng để hưởng huê hồng và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan đến việc thu tiền cũng như nộp tiền lại cho Ngân hàng đến nay giữa anh L và Ngân hàng chưa giải quyết xong với nhau, như vậy

giữa anh L và Ngân hàng là một quan hệ pháp luật khác; nếu có căn cứ anh L có thể khởi kiện Ngân hàng thành vụ kiện khác, khi phù hợp với quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K buộc ông H, bà L phải trả cho Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi đến ngày 04/11/2022 là 880.047.000 đồng (Tám trăm tám mươi triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) là chưa phù hợp như đã nhận định ở trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông H bà L trả lại 400.000.000đ tiền gốc cho Ngân hàng TMCP K mà không buộc trả lãi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Nên trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H, sửa nội dung bản án sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[7] Về án phí:

[7.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP K được Tòa án chấp nhận một phần nên Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần được chấp nhận; phần không được chấp nhận phải chịu án phí.

Cụ thể là: 480.047.000đ án phí là: 20.000.000đ + (80.047.000 x 4%) = 23.021.880đ làm tròn số là 23.201.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng).

- Buộc Ngân hàng TMCP K phải nộp án phí là 23.201.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền Ngân hàng TMCP K đã nộp tiền tạm ứng án phí là 15.600.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006499 ngày 27/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (do ông Đào Trung Gi nộp thay). Như vậy Ngân hàng TMCP K còn phải nộp thêm số tiền là 23.201.000đ – 15.600.000đ = 7.601.000đ (Bảy triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng).

Ông H, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền là: 400.000.000 đồng x 5% = 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng ), nhưng do ông H và bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[7.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 342, Điều 343, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 721 Bộ luật dân sự 2005; Điều 2 Luật người cao tuổi 2009; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Trần Văn H.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với ông Trần Văn H, bà Trần Thị L.

Buộc ông Trần Văn H, bà Trần Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền gốc và lãi tính đến ngày 04/11/2022 là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Ngoài ra ông H, bà L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã thỏa thuận của hợp đồng tín dụng nêu trên từ sau ngày 04/11/2022 cho đến khi thi hành án xong.

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H, bà L không trả đủ số tiền nêu trên thì ông, bà còn phải trả cho Ngân hàng khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành mà ông H, bà L không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì phía Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang kê biên phát mãi tài sản thế chấp theo quy định Điều 323 Bộ luật dân sự để bảo đảm nợ vay theo hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất số D0620338 được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng cấp ngày 30/4/1996 đối với diện tích đất 12.158m$^2$, thuộc các thửa đất số 232, 426, 424, tờ bản đồ số 09 và số 10, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Đ, xã Thạnh Ph, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang do ông Trần Văn H đứng tên.

Ngân hàng thương mại cổ phần K có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Văn H, bà Trần Thị L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên sau khi đã nhận đủ tiền.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với tiền phạt chậm trả lãi là 56,842.055 đồng (Năm mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

3. Án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc Ngân hàng TMCP K phải nộp án phí là 23.201.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền Ngân hàng TMCP K đã nộp tiền tạm ứng án phí là 15.600.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006499 ngày 27/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (do ông Đào Trung Giang nộp thay). Như vậy Ngân hàng TMCP K còn phải nộp thêm số tiền là 7.601.000đ (Bảy triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng).

- Ông Trần Văn H và bà Trần Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

| **Thẩm phán** | **Thẩm phán** | **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa** |
|---|---|---|
| **Ngô Thị Minh Trang** | **Nguyễn Thị Nhiên** | **Trần Bá Kha** |

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND H.Giồng Riềng
- THA dân sự H.Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Bá Kha**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán Thẩm phán Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Bá Kha**